

Số: /UBND-KT  
V/v báo cáo Sơ kết tình hình thực  
hiện một số chương trình, đề án lĩnh  
vực nông nghiệp đến năm 2025.

Thiệu Trung, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Thực hiện Công văn số 3943/SNNMT-TTBVTV về việc báo cáo Sơ kết tình hình thực hiện một số chương trình, đề án lĩnh vực nông nghiệp đến năm 2025; UBND Thiệu Trung báo cáo kết quả thực hiện một số chương trình, đề án lĩnh vực nông nghiệp đến năm 2025 như sau:

### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ TẬP TRUNG**

Căn cứ Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 12/1/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Đề án phát triển cây ăn quả tập trung, xã Thiệu Trung đã triển khai Đề án, song do tiềm năng đất đai của địa phương còn nhiều hạn chế không đủ điều kiện xây dựng vùng cây ăn quả tập trung. Kết quả thực hiện Đề án (theo phụ lục 1,2,3 kèm theo)

### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ**

Thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, xã Thiệu Trung đã định hướng xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và định hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ đối với cây trồng chủ lực: cây lúa, cây rau củ quả; ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi phục vụ sản xuất, đưa các loại giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao thích ứng với biến đổi khí hậu vào sản xuất, thực hiện các mô hình sản xuất sử dụng phân bón hữu cơ để nhân ra diện rộng. Định hướng trong giai đoạn tiếp theo từ các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao để từng bước xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Kết quả thực hiện Đề án (theo phụ lục 4,5,6,7,8 kèm theo)

### **III. KẾT QUẢ TÍCH TỤ, TẬP TRUNG ĐẤT ĐAI ĐỂ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP QUY MÔ LỚN, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

#### **1. Về thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết 13-NQ/TU**

##### **1.1. Diện tích đất được tích tụ, tập trung**

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 đạt 42,97 ha, trong đó:

- Kết quả năm 2021, diện tích tích tụ, tập trung đạt 9,38 ha (trồng trọt 6,6 ha; chăn nuôi 0 ha; thủy sản 2,78 ha; lâm nghiệp 0 ha)
- Kết quả năm 2022, diện tích tích tụ, tập trung đạt 30,23 ha (trong đó lĩnh vực Trồng trọt 24,33 ha, chăn nuôi 0 ha, thủy sản 5,9 ha, lâm nghiệp 0 ha)
- Kết quả năm 2023, diện tích tích tụ, tập trung đạt 1,6 ha (trong đó lĩnh vực Trồng trọt 1,6 ha, chăn nuôi 0 ha, thủy sản 0 ha, lâm nghiệp 0 ha)
- Kết quả năm 2024, diện tích tích tụ, tập trung đạt 1,76 ha (trong đó lĩnh vực Trồng trọt 0,83 ha, chăn nuôi 0 ha, thủy sản 0,93 ha, lâm nghiệp 0 ha)
- Diện tích được ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025: 108,8 ha (trong đó lĩnh vực Trồng trọt 108,8 ha, chăn nuôi 0 ha, thủy sản 0 ha, lâm nghiệp 0 ha)

### ***1.2. Về công nghệ sản xuất***

Giai đoạn 2021 - 2025, tổng diện tích tích tụ, tập trung tăng thêm 42,97 ha; trong đó có 17,85 ha sản xuất theo hướng công nghệ cao được áp dụng công nghệ tiên tiến theo tiêu chuẩn công nghệ cao; sử dụng giống cây trồng tiên bộ kỹ thuật, giống mới năng suất, chất lượng cao; biện pháp canh tác mới, cơ giới hóa đồng bộ ở các khâu sản xuất.

### ***1.3. Về giá trị***

Sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn công nghệ cao, hướng công nghệ cao mang lại giá trị kinh tế cao hơn so với sản xuất đại trà.

## **2. Định hướng đến năm 2030**

Tổng diện tích đất được tích tụ, tập trung tiếp tục tăng thêm khoảng 200 ha, trong đó: Trồng trọt 150 ha, chăn nuôi 50 ha.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Vũ**

Kết quả thực hiện Đề án (theo phụ lục 9,10,11 kèm theo)

**Phụ lục 01: Tổng hợp diện tích, sản lượng, giá trị cây ăn quả năm 2025**

TT	Đơn vị	Diện tích		Diện tích thu hoạch (ha)	Sản lượng (tấn)	Giá trị sản xuất (Tỷ đồng)
		Tổng diện tích (ha)	Trong đó: diện tích trồng tập trung			
<b>Tổng</b>						
1	Thiệu Trung	<i>Không có</i>				
2						
3						
4						



**Phụ lục 04: Thông tin chung về các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ**

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1. Số doanh nghiệp	DN	0	0	0	0	
2. Số hợp tác xã	HTX	0	0	0	0	
3. Số hộ gia đình	Hộ	0	0	0	0	

**Phụ lục 05: Thông tin chung về tình hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ**

Nội dung	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1. Tổng diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ <i>trong đó:</i> + Diện tích đất trồng trọt hữu cơ; + Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ; + Sản xuất hữu cơ các sản phẩm khác	ha ha ha ha	0	0	0	0
2. Sản lượng sản phẩm chăn nuôi hữu cơ <i>trong đó:</i> + Thịt; + Trứng; + Sữa	Tấn Tấn Quả Lít	0	0	0	0
3. Sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên <i>trong đó:</i> + Sản xuất thâm canh (sử dụng môi trường rừng để sản xuất); + Sản xuất khác	Tấn Tấn Tấn	0	0	0	0

**Phụ lục 06: Chi tiết tình hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ các sản phẩm chủ lực, lợi thế lĩnh vực trồng trọt**

Đơn vị: DT (ha),  
SL (tấn)

STT	Đối tượng/ Sản phẩm <sup>(1)</sup>	Diện tích				Sản lượng			
		Đang trong quá trình chuyển đổi	Đã được chứng nhận theo			Đang trong quá trình chuyển đổi	Đã được chứng nhận theo		
			PGS	TCVN	Tiêu chuẩn nước ngoài <sup>(2)</sup>		PGS	TCVN	Tiêu chuẩn nước ngoài <sup>(2)</sup>
1	<b>Lúa</b>	0	0	0	0	0	0	0	0
	Năm 2022	0	0	0	0	0	0	0	0
	Năm 2023	0	0	0	0	0	0	0	0
	Năm 2024	0	0	0	0	0	0	0	0
	Năm 2025	0	0	0	0	0	0	0	0

*Ghi chú:* (1) Sản phẩm chủ lực theo danh mục tại Thông tư số 37/2018/Tt-BNNPTNT ngày 25/12/2018; sản phẩm lợi thế theo thực tế địa phương (2) Tiêu chuẩn nước ngoài: Ghi rõ sản phẩm được chứng nhận theo tiêu chuẩn của quốc gia





**Phụ lục 09: Tổng hợp Kết quả tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng CNC giai đoạn 2019-2025**

TT	Đơn vị	Kết quả thực hiện giai đoạn 2019-2025 (ha)	Chia theo các lĩnh vực			
			Trồng trọt(ha)	Chăn nuôi (ha)	Thủy sản (ha)	Lâm nghiệp (ha)
<b>Tổng cộng</b>						
1	Xã Thiệu Trung	42,97	33,36		9,61	

**Phụ lục 10 : Tổng hợp Kết quả tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng CNC giai đoạn 2019-2025**

TT	Lĩnh vực	Tổng cộng	Chia theo đối tượng tích tụ, tập trung					Chia theo hình thức tích tụ, tập trung				Chia theo mức độ áp dụng Công nghệ		
			Doanh nghiệp		HTX, tổ hợp tác		Hộ gia đình, cá nhân		Thuê đất (ha)	Chuyển nhượng (ha)	Góp vốn bằng QSDĐ (ha)	Hình thức khác (vùng trồng tập trung,...) (ha)	ƯD CNC (ha)	Theo hướng CNC (ha)
			Số lượng	Diện tích tích tụ, tập trung ■ (ha)	Số lượng	Diện tích tích tụ, tập trung ■ (ha)	Số lượng	Diện tích tích tụ, tập trung ■ (ha)						
<b>Tổng cộng</b>		<b>42,97</b>					<b>15</b>	<b>42,97</b>				<b>42,97</b>		<b>17,85</b>
1	Trồng trọt	33,36					10	33,36				33,36		17,85
2	Chăn nuôi													
3	Thủy sản	9,61					5	9,61				9,61		
4	Lâm nghiệp													

**Phụ lục 11: Các mô hình tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng CNC điển hình**

TT	Tên Mô hình	Địa điểm	Quy mô, công suất, (mô tả mô hình)...	Hình thức tích tụ	Mức độ áp dụng công nghệ	Hiệu quả kinh tế, so sánh sản xuất thông thường
	Sản xuất lúa	Khu phố 7	17,85 ha	Thuê đất	Theo hướng CNC	Đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất thông thường